

VĂN BIA CHÙA ĐÔNG THUYỀN

Từ thảo am Tế Vỹ đến chùa Đông Thuyền



Chánh điện chùa Đông Thuyền.

Chùa Đông Thuyền, đứng âm là Đông Thiên, nay thuộc phường Thủy Xuân, thành phố Huế, bên trái đường lên chùa Từ Hiếu, cạnh vùng lăng mộ chùa Tường Vân. Văn bia tại chùa Đông Thuyền thật ra là tấm bia về ngôi từ đường của công chúa Ngọc Cơ tọa lạc cùng chung một khuôn viên. Lịch sử hai cơ sở này quan hệ mật thiết với nhau, có ngôi chùa rồi mới có nhà thờ, và ngược lại, có nhà thờ rồi ngôi chùa mới tồn tại đến ngày nay. Theo tư liệu nhà chùa thì vị khai sơn cuối thế kỷ XVIII, đệ tử của ngài Liễu Quán là Tế Vỹ dựng thảo am tu hành tại đây để lo hương khói cho bốn sư. Long vị hiện thờ đề: 傳臨濟正宗第三十六世開山本寺上長下照諱濟偉諡圓號老大師法座 *Truyền Lâm Tế chính tông đệ tam thập lục thế khai sơn bản tự (thượng) Trường (hạ) Chiêu húy Tế Vỹ thụy Viên Hiệu lão đại sư pháp tọa* (Tòa pháp của lão đại sư Tế Vỹ, pháp danh Trường Chiêu, thụy Viên Hiệu, nối dòng chính gốc Lâm Tế đời thứ ba mươi sáu, khai sơn ngôi chùa này). Tương truyền sư quê ở Bình Định, theo ngài Tổ Liễu Quán ra Thuận Hóa, sau khi Tổ viên tịch (1742), sư không hồi hương mà ở lại dựng thảo am tu hành và thờ phụng thầy. Điều tương truyền này không xa sự thật, vì cùng thời còn có nhiều hòa thượng hàng chữ Tế theo bài kệ của Liễu Quán trú trì tại các chùa như Thuyền Tôn (Tế Hiển, Tế Mẫn, Tế Hiệp), Viên Thông (Tế Phổ), Báo Quốc (Tế Ân, Tế Nhơn), Từ Lâm (Tế Ngữ)... đều là môn đệ của Tổ Thiệt Diệu Liễu Quán.

Chùa hiện còn giữ được một chiếc khánh đồng khắc dòng chữ: 弘願阮氏珠親子張文瑞信供三寶東禪寺開山沙門濟偉伏願佛日增輝法輪常轉 *Hoàng Nguyên Nguyễn Thị Châu, thân tử Trương Văn Đang tín cúng Tam bảo Đông*

Thuyền tự khai sơn sa môn Tế Vỹ. Phục nguyên: Phật nhật tăng huy, pháp luân thường chuyển (Hoàng Nguyễn Nguyễn Thị Châu và con trai Trương Văn Đang xin dâng Tam bảo sa môn Tế Vỹ, khai sơn chùa Đông Thuyền. Cúi xin nguyện: ngày Phật sáng thêm, bánh xe pháp quay mãi). Lạc khoản đề: 鑄密丁亥年辛亥月乙亥日 *Chú mật Đinh Hợi niên Tân Hợi nguyệt Ất Hợi nhật* (Đúc ngày Ất Hợi, tháng Tân Hợi năm Đinh Hợi). Nhà nghiên cứu Phật giáo Hà Xuân Liêm với sự giúp đỡ của Vĩnh Cao đã phân tích đề đi đến kết luận là ngày 15 tháng Mười năm Đinh Hợi, đối chiếu Dương lịch nhằm ngày 5 tháng 12 năm 1767; lúc ấy, Tế Vỹ còn tại thế, dưới triều đại Nguyễn Phúc Thuần.

Theo Hà Xuân Liêm, sau khi Tế Vỹ viên tịch, chùa do một nhà sư hàng chữ Đại quản lý, trú trì, có lẽ là môn đệ của Tế Vỹ, nếu không thì cũng của pháp huynh, pháp đệ của sư vì long vị thờ đề: 嗣臨濟正宗第三十七代諱大光上慧下照謚正文和尚法座 *Tự Lâm Tế chính tông đệ tam thập thất đại huy Đại Quang (thượng) Tuệ (hạ) Chiêu thụy Chánh Văn hòa thượng pháp tọa*. Vị này hẳn đã trải qua thời quân Trịnh chiếm đóng Thuận Hóa và đầu thời Tây Sơn, rồi sư sãi tan lạc, chùa chiến bị phá hủy hay bỏ hoang do chính sách của triều đình, đất đai do làng quản lý.⁽¹⁾ Theo chúng tôi, Tế Vỹ chỉ dựng một thảo am để tu hành, có lẽ cũng không thu nhận đệ tử, sau khi sư tịch, thảo am cũng nhanh chóng suy tàn, đất đai bỏ hoang, xã Dương Xuân đã chia nhau canh tác từ thời quân Trịnh chiếm đóng Thuận Hóa; các long vị thờ đều do Ngọc Cơ hay các trú trì kế tiếp đặt đề truy nhớ bản sư sau khi trùng hưng...

Đầu thế kỷ XIX, công chúa Nguyễn Phúc Ngọc Cơ (Ky), con gái thứ mười ba của vua Gia Long, mẹ là Nguyễn Đình Thị Vĩnh, được sự trợ cấp của triều đình và bỏ tiền riêng mua lại, tái kiến chùa, đặt tên Đông Thiên, tôn trí long vị ngài Tế Vỹ để thờ phụng, rồi thêm long vị bản sư là ngài Tánh Thông Giác Ngộ. Chùa lại có long vị ngài Đạo Tâm Trung Hậu. Theo tục lệ của Phật giáo, tỳ kheo ni không được đứng khai sơn một ngôi chùa, nên Ngọc Cơ đã phải thỉnh một vị hòa thượng có uy vọng là ngài Đạo Tâm Trung Hậu ở chùa Thuyền Tôn làm tọa chủ (danh dự),⁽²⁾ cho nên về sau ngài được thờ với long vị đề: 重建禪宗寺傳臨濟正宗第三十八世上忠下厚諱道心謚圓覺老和尚之貌座 *Trùng kiến Thiền Tôn tự truyền Lâm Tế chánh tông đệ tam thập bát thế (thượng) Trung (hạ) Hậu huy Đạo Tâm thụy Viên Giác lão hòa thượng chi mạo tọa*. Cuối cùng là long vị ngài Tánh Thiên Nhất Định,⁽³⁾ có thể là bản sư của tỳ kheo ni Viên Thông, bà đã đến tu tập cùng Ngọc Cơ, do đó cũng rước long vị thầy về thờ.

Năm 1842, vua Thiệu Trị cho sửa chữa và ban biển ngạch “靈山東禪寺 *Linh Sơn Đông Thiên tự*”, lạc khoản 紹治二年歲次壬寅孟春 *Thiệu Trị nhị niên tuế thứ Nhâm Dần mậu xuân*... Năm 1844, Ngọc Cơ làm hội chủ đúc quả chuông chùa, “thân chuông đã có khắc ‘hội chủ’ là Thái trưởng công chúa thứ mười ba cùng tên một số người khác, trong đó có mẹ công chúa là Nguyễn Đình Thị Vĩnh, có hai bà Phan Văn Thị Hạc và Đặng Công Thị Lục, cùng nhiều người

khác nữa, có hòa thượng Tế Chánh Bản Giác chứng minh. Chuông nặng 398 cân, cao khoảng 1m, nếu kể đến đầu con bò lao thì chuông cao được khoảng từ 1m30 đến 1m40. Trên thân chuông có khắc chữ ‘triện’, chữ ‘phù’, và chữ Hán viết chân phương, hoa văn cũng giản dị. Lạc khoản đề ‘Thiệu Trị tứ niên trọng hạ’.⁽⁴⁾

Sau khi Ngọc Cơ viên tịch, đồng đạo là tỳ kheo ni Viên Thông tiếp tục coi sóc chùa. Hà Xuân Liêm cho biết theo *Hàm Long sơn chí*, Viên Thông là đệ tử của ngài Tánh Hoạt Huệ Cảnh (1798-1869) chùa Tường Vân: “Ni sư nguyên là con gái thuộc Kiến An Vương phủ.⁽⁵⁾ Ban đầu, khi đang là cảnh vàng lá ngọc, bà đã hứa hôn; nhưng chưa làm lễ cưới thì vị hôn phu của bà qua đời. Đó là nguyên do làm cho người con gái dòng Kiến An Vương xuất gia. Lúc này, Hoàng cô Ngọc Cơ đã đại trùng tu cảnh chùa Đông Thuyền, và cho ni sư về cùng sống tu tập ở đây; sau đó chùa được giao cho ni sư quản nhiệm một thời gian. Ni sư Viên Thông là người tu hành rất tinh tấn phạm hạnh. Ni sư đã cùng với thân mẫu Như Như⁽⁶⁾ pháp danh là Thanh Tâm thường bàn chuyện Phật pháp, ngắm trăng ngắm cảnh rất là tương đắc. Năm Đồng Khánh thứ hai (1887), ni sư được vua ban cho một ngân bài có bốn chữ “Tiết hạnh khả phong”. Ni sư tịch vào năm 76 tuổi đời. Tháp được xây ở phía trái của chùa”.⁽⁷⁾ Từ đó, chùa dần dần xuống cấp và thành chùa tu. Năm 1976, sư bà Diệu Không⁽⁸⁾ và ni cô Diệu Đạt ra trùng hưng làm chùa thuộc Ni Bộ cho đến nay.⁽⁹⁾ Năm 1988, sư bà xây thêm công và khắc thêm phần lược dịch Quốc ngữ bài văn cổ mặt sau bia cũ.

Chùa nằm trên một ngọn đồi tròn như hình con rùa, một dòng khe uốn quanh dưới chân, chung quanh là ruộng đồng và gò núi trùng điệp, cảnh quan đẹp đẽ. Khuôn viên rộng gần 3.000m², cây cối xanh tươi thoáng mát. Các kiến trúc chùa thành hình chữ 口 khẩu hay chữ 門 môn, thấp và cổ kính: một ngôi nhà kiểu tứ vị tam gian, điện Phật ở mặt trước, thờ pho tượng Quan Âm bằng đồng tay cầm cuốn sách, gọi là “Quan Âm thủ pho”, long khám trên cao chạm lưỡng long triều nguyệt, tôn trí tượng Tam thế, để gỗ chạm sơn son thếp vàng. Bàn thờ Tổ tôn trí năm long vị. Một dãy tầng xá, phòng học và nhà bếp phía hữu, chùa hiện còn tàng trữ một số di vật cổ như chiếc khánh đồng khắc chữ Hán nói trên, chiếc trống rất lớn (đường kính khoảng 2m, dài khoảng 3m) đã đi vào tục ngữ Huế “Trống Đông Thuyền, chuông Thiên Mỹ”, quả chuông đúc năm Thiệu Trị 4 [1844]. Như vậy, Đông Thuyền là một ngôi chùa cổ về mặt lịch sử cũng như về mặt kiến trúc, trải qua vài lần trùng tu mà không bị biến dạng, có giá trị văn hóa đáng được bảo vệ.

Ngôi từ đường và tấm bia đá

Bà Ngọc Cơ là con gái thứ 13 của vua Gia Long và bà Nguyễn Đình Thị Vĩnh,⁽¹⁰⁾ sinh giờ Thân ngày 22 tháng Bẩy năm Mậu Thìn (13/9/1808), hạ giá với con trai của Nguyễn Huỳnh Đức⁽¹¹⁾ là Vệ úy Nguyễn Huỳnh Thành năm 1829.⁽¹²⁾ Năm 1832, chồng mất, hai con trai là Nguyễn Huỳnh Võ và Nguyễn Huỳnh Nghi

cũng nổi nhau qua đời. Bà sương cư thủ tiết, xuất gia đầu Phật với bốn sư Tánh Thông Giác Ngộ,⁽¹³⁾ được cho pháp danh Hải Châu, pháp tự Thiên Hương.⁽¹⁴⁾ Bà bỏ tiền ra cùng với sự giúp đỡ của vua Minh Mạng, mua lại khu chùa Đông Thuyền bỏ hoang vừa chỉnh trang chùa để tu hành, vừa xây dựng thêm ngôi từ đường phía sau⁽¹⁵⁾ để thờ chồng là Phò mã Nguyễn Huỳnh Thành, con trai và bố mẹ chồng, giao cho xã Dương Xuân chăm sóc hương khói. Năm Minh Mạng 19 [1838], dân làng trùng tu, khắc văn bia thuật rõ sự tích. Bà qua đời năm Bính Thìn (1856), được vua Tự Đức phong tặng Định Hòa Thái trưởng công chúa, thụy Đoan Nhân. Ngôi từ đường tiếp tục được xã Dương Xuân chăm sóc, nhưng đến cuối thế kỷ XIX thì nội dung thờ cũng đã biến tướng nhiều theo tín ngưỡng phổ biến đương thời, hướng về Thiên Tiên thánh giáo: *“Tại đây có tôn trí tượng Ngọc Hoàng Thượng Đế, tượng Nam Tào, Bắc Đẩu, có thêm tượng Khổng Tử, bên tay trái thờ tượng Quan Thánh mặt đỏ râu dài; Quan Bình cầm sách và Châu Xương với Thanh Long đao. Bên phải thờ tượng nhị vị Thánh Mẫu, có tượng thị nữ đứng hầu. Tất cả ở đây biểu thị một loại tín ngưỡng dân gian tổng hợp nhiều thành tố”*.⁽¹⁶⁾

Hiện nay, khu vực chùa Đông Thuyền và từ đường công chúa Định Hòa chỉ còn một tấm bia đá. Tấm bia này, có lẽ nguyên xưa dựng tại mặt tiền ngôi từ đường, nhưng năm 1976, khi trùng hưng, người ta nhầm là bia chùa nên dời chỗ, đưa ra dựng ở mặt tiền bên trái trước chính điện, rồi năm 1988, sư bà Diệu Không cho xóa phần kê ruộng đất của công chúa Ngọc Cơ và khắc thêm phần Quốc ngữ phía lưng bia. Bia nguyên tạo năm Minh Mạng 19 [1838], khi Trưởng công chúa còn tại thế, khổ 140x80cm, chạm rồng mây, hoa sen; hai mặt, mặt trước toàn văn chữ Hán khắc chân phương, 25 dòng, cộng 419 chữ, nhan đề 10 chữ, lạc khoản 15 chữ, tổng cộng 444 chữ, hướng về phía chùa; mặt sau nguyên ghi văn tắt việc thờ cúng và ruộng đất hương hỏa, bị tô lại một lớp xi măng và khắc chữ Quốc ngữ, nhưng không phải lược dịch từ văn bia chữ Hán cổ.⁽¹⁷⁾ Sau đây, chúng tôi xin phiên dịch phần chữ Hán ở mặt trước.

Dịch nghĩa:

Bài văn bia nhà thờ Trưởng công chúa thứ mười ba

Thường nghe *Kinh Lễ* nói rằng: “Người có công đức thì được thờ cúng”. Do đó, báo đền ơn nghĩa là nguyên tắc đương nhiên của lễ trời và tình người vậy. Trưởng công chúa triều ta tên Ngọc Cơ (cũng đọc Ky) là con gái thứ mười ba của đức Thế Tổ Cao Hoàng Đế, mẹ đẻ họ Nguyễn Đình tên Vĩnh, người xã Nội Duệ, huyện Tiên Du, phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Gia Long năm đầu [1802], bà vào hầu vua, dần dần được phong Hữu cung tần, giờ Thân tháng Bảy mùa thu năm thứ bảy, Mậu Thìn (1808)⁽¹⁸⁾ thì sinh công chúa. Năm Minh mạng thứ 11 [1830],⁽¹⁹⁾ công chúa hạ giá với ông Nguyễn Huỳnh Thành, con của Nguyễn Huỳnh Đức (người Đông Sơn, tỉnh Gia Định, làm chức Tiền quân Bình Tây tướng quân, tặng Thái

phó, phong Kiến Xương quận công), sinh hai trai, trưởng là Nguyễn Huỳnh Võ, thứ là Nguyễn Huỳnh Nghi. Chẳng bao lâu, Phò mã mất, hai con cũng nối nhau qua đời. Công chúa mền chuộng phong nghi, gắng bèn trình khiết, giữ chí sương cư để vẹn tròn một tiết. Nghe nói trước kia công chúa có tạo dựng phủ đệ ở hai xã Dương Xuân Thượng Hạ, phần nhiều để cho nhân dân làm nhà. Nay công chúa nghĩ sâu xa đến việc mãn phần, bèn đem vườn nhà ấy, bỏ thêm tiền của riêng giao cho hai xã mua ruộng đất để lại thờ cúng mai sau.⁽²⁰⁾ Mùa thu năm ngoái, đem việc tâu lên, vua ban chỉ nói rõ: “Trưởng công chúa Ngọc Cơ hiện nay góa bụa, không con, tính đến việc mai sau nên đã lo thu xếp, lệnh cho Phủ doãn phủ Thừa Thiên phải sức dân cả hai xã tiếp tục lo hậu sự cho Trưởng công chúa. Việc giỗ chạp hàng năm cả vợ chồng Trưởng công chúa và mẹ, nhất thiết hai xã phải sắm sửa đầy đủ lễ phẩm cúng tế, đời đời không dứt. Nếu như lâu dài về sau mà tự tiện trễ nải, bỏ phế, thì quan Kinh doãn phải trừng trị thích đáng. Kính đấy!”.

Kính tuân theo, nay hai xã lần lượt thay nhau sắp đặt, chấp hành các khoản. Các bậc hương thân, thức giả nhân đó bàn bạc cùng nhau rằng: “Trình tiết là cái nét đặc biệt, ai nấy đều mền chuộng. Quốc gia hễ sùng thượng phong hóa thì biểu dương tiết phụ liệt nữ khắp chốn thôn quê. Nhân dân hai xã chúng ta sinh nhằm chỗ để đô nổi tiếng văn vật, lễ nghĩa dần dần đã thấm sâu từ lâu rồi. Những kẻ ở ấp đây may có người ấy, đức ấy, thực cũng bồi đắp cho nền phong hóa vậy. Nghĩ: Công chúa đem tư dung băng ngọc sánh đôi cùng dòng dõi trung cần, đức hạnh rạng ngời trang quốc sử, tiết trinh khuyến khích lớp bách chu,⁽²¹⁾ lại thêm ơn huệ lan khắp mọi người, vẻ tốt đẹp không thể nào che khuất được. Đến như lo nghĩ sâu xa việc hương hỏa trăm năm, cũng thấy rõ một dòng hiếu nghĩa, rất đáng ghi chép vậy. Hai xã chúng ta thành tâm mang ơn thì báo đáp, chẳng hèn mà cùng hợp nhau, để cho con cháu nối tiếp đời đời không bỏ mất, lại càng đáng ghi chép vậy”.

Cho nên khắc vào ngọc đá chắc bền để tỏ rõ sự việc, khiến cho chuyện này còn mãi về sau đến ức vạn đời, cùng với trời đất núi sông từ xưa đến nay vậy. Còn ruộng đất, tài sản thờ cúng cùng các điều khoản giỗ chạp thì sẽ ghi riêng đầy đủ ở mặt sau bia.

Ngày tốt tháng Sáu năm Minh Mạng thứ 19 [1838] trong muôn muôn năm của Hoàng triều.⁽²²⁾

CHÚ THÍCH

- (1) Xem thêm Lê Nguyễn Lưu (2006), “Văn hóa Huế xưa”, tập II, *Đời sống văn hóa làng xã*, Thuận Hóa, Huế.
- (2) Như trường hợp ni sư Diên Trường sáng lập Trúc Lâm Đại Thánh tự.
- (3) Tánh Thiên Nhất Định (1784-1847) khai sơn An Dưỡng am, sau là chùa Từ Hiếu.
- (4) Hà Xuân Liêm, *Những chùa tháp Phật giáo ở Huế*, sđd, tr. 280.
- (5) Phủ của Kiến An Vương Nguyễn Phúc Đài, con của vua Gia Long.

- (6) Như Như: tức Như Như đạo nhân, thế danh Nguyễn Phúc Hồng Bàng, chắc chắn là người trong hoàng tộc nhà Nguyễn, vì dân bách tánh không ai dám dùng họ tên như thế, chẳng hạn Nguyễn Phúc Tường đi thi bị đánh hỏng và phạt đòn, sau phải đổi Nguyễn Văn Tường (con vua Thiệu Trị cũng có tên Hồng Bàng, nhưng khác, vì hoàng tử này sinh năm 1838, mất năm 1853, mới 16 tuổi). Ông sinh ngày 15 tháng Giêng năm Tân Hợi, Tự Đức 5 [1851], xuất gia thọ giới với hòa thượng Tâm Truyền chùa Báo Quốc, pháp danh Trùng Khế, tự Như Như. Ông hưởng ứng Liên Trì thi xã của các trưởng lão, sáng tác nhiều thơ và tập hợp thơ các bạn được khoảng 100 quyển. Ông cũng tục biên bộ *Hàm Long sơn chí* của Diêm Tịnh cư sĩ. Không rõ ông mất vào năm nào.
- (7) Hà Xuân Liêm (2007), *Những chùa tháp Phật giáo ở Huế*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội, tr. 280-281.
- (8) Sư bà Diệu Không thế danh Hồ Thị Hạnh (1905-1997), con gái Thượng thư Hồ Đắc Trung và bà Châu Thị Lương, người làng An Truyền (nay thuộc xã Phú An, huyện Phú Vang, Thừa Thiên Huế), kết duyên với ông Cao Xuân Xang, xuất gia năm 1932 sau khi chồng mất, thọ giới Sa Di với hòa thượng Giác Tiên, pháp tự Diệu Không, đến năm 1944 thọ giới Cụ Túc tại giới đàn Thuyền Tôn do hòa thượng Giác Nhiên làm Đường đầu. Sư bà hoạt động rất năng nổ, sáng lập các chùa ni Diệu Vân, Hồng Ân, Khải Vân ở Huế. Ngoài ra, sư bà còn giúp sáng lập các chùa ni, ni viện, ni trường ở các nơi khác (Hội An, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Nha Trang, Sài Gòn...), dịch kinh sách, viết báo Phật giáo. Sư bà viên tịch lúc 2 giờ sáng ngày 22 tháng Tám năm Đinh Sửu (23/9/1997).
- (9) Chùa ni cổ ở Huế không nhiều. Phật giáo cũng không công nhận sư ni khai sơn và trú trì, nên dù họ có lập chùa, cũng phải mời một vị tăng làm tọa chủ. Phải đợi đến phong trào chấn hưng Phật giáo đầu thế kỷ thứ XX, quy định này mới được xóa bỏ.
- (10) Nguyễn Đình Thị Vĩnh người xã Nội Duệ, huyện Tiên Du, phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, được tuyển vào hầu vua năm 1802 (năm này, sau khi khôi phục đô thành Phú Xuân, vua Gia Long tiến ra chiếm Thăng Long, bắt hết vua tôi nhà Tây Sơn), sau phong Hữu cung tần, rồi tiến phong Mỹ nhân; mất, được ban tên thụy Cung Lệ. Ngọc Cơ là con gái duy nhất của bà.
- (11) Nguyễn Huỳnh Đức (1748-1819), sinh ngày 14 tháng Giêng năm Mậu Thìn (12/2/1748) ở giồng Cái Én, xã Tường Khánh, huyện Kiến Hưng, trấn Định Tường (nay là ấp Dinh, xã Khánh Hậu, thị xã Tân An, tỉnh Long An), họ tên vốn là Huỳnh Công Đức, theo học với xử sĩ Võ Trường Toản, năm 1780 theo quân Đông Sơn của Đỗ Thanh Nhân. Năm 1782, Thanh Nhân bị Nguyễn vương giết vì lộng quyền, ông vẫn được tin dùng, lập nhiều chiến công, nên được ban công tính, đổi thành Nguyễn Huỳnh Đức. Năm 1783, ông bị Tây Sơn bắt và hậu đãi, cho trấn thủ Nghệ An cùng Nguyễn Văn Duệ, nhưng ông trốn về lại với Nguyễn vương, được thăng Chương quản Hữu quân dinh (1790), trấn thủ Quy Nhơn (1801), phong tước quận công (1802), đến năm 1810 ra làm Tổng trấn Bắc thành kiêm Khâm sai Chương Tiền quân. Năm 1816, ông lại đổi vào Tổng trấn Gia Định thành, rồi mất tại chức ngày mùng 9 tháng Chín năm Kỷ Mão (27/10/1819).
- (12) Sách *Đại Nam thực lục* chép: Tháng Tám năm Kỷ Sửu, Minh Mạng thứ 10 [1829], cho Nguyễn Huỳnh Thành lấy công chúa Ngọc Cơ, còn theo văn bia là năm Minh Mạng thứ 11 [1830].
- (13) Tánh Thông Giác Ngộ: không rõ hành trạng, có thể là đệ tử của ngài Đạo Minh Phổ Tịnh (? - 1816) ở chùa Báo Quốc, cùng hàng với Tánh Thiên Nhất Định (trú trì quán Linh Hựu, tăng cang chùa Giác Hoàng, khai sơn chùa Từ Hiếu), và Tánh Thông Nhất Hiểu (Giác và Hiểu nghĩa giống nhau, hay chỉ là một người?). Ngọc Cơ xuất gia, nhưng có lẽ không “xuống tóc”,

vì các vua nhà Nguyễn không cho phép, theo Nho học, “thân thể tóc da do cha mẹ sinh ra, không được vứt bỏ”.

- (14) Theo Hà Xuân Liêm, *Những chùa tháp Phật giáo ở Huế*, sđd, tr. 279. Tác giả nói căn cứ vào văn bia khắc năm Minh Mạng thứ 19, nhưng văn bia này không hề đề cập đến việc công chúa xuất gia, còn bài văn Quốc ngữ khắc muộn ở mặt sau bia thì không phải là bản dịch, không rõ người viết dẫn theo tư liệu nào (*Hàm Long sơn chí* chăng?). Lại nữa, tác giả cho rằng trong thời gian này, hòa thượng Tánh Thông Giác Ngộ đang trú trì chùa Đông Thuyền, nhưng bấy giờ chùa đang bỏ hoang, nhân dân hai xã Dương Xuân Thượng Hạ khai thác, rồi công chúa mua lại xây dựng từ đường (văn bia), thì làm gì có sư trú trì. Long vị các ngài trong chùa chỉ là thờ vọng thôi, do đời sau đặt thêm (cụ thể, ngài Tánh Thiên Nhất Định chẳng liên hệ gì đến chùa, cũng có long vị).
- (15) Hà Xuân Liêm cho rằng: “*Theo bức hoành hiệu chùa đề là “Linh Sơn Đông Thuyền tự”; lạc khoản khắc: “Thiệu Trị nhị niên tuế thứ Nhâm Dần mạnh xuân” (1842). Lần đại trùng tu này có lẽ bà công chúa đã làm tòa Phật đường và dãy từ đường phía sau chùa, hiện nay đang còn*”. Như thế không đúng, bài văn bia của xã Dương Xuân khắc năm 1838 đã nói rõ tất cả các cơ sở chùa và từ đường đều đầy đủ rồi, năm 1842 vua chỉ ban biển hoành.
- (16) Hà Xuân Liêm, *Những chùa tháp Phật giáo ở Huế*, sđd, tr. 280.
- (17) Việc này có lẽ do sư bà Diệu Không làm.
- (18) Đây chếp giờ, tháng mà thiếu ngày. Xin xem phần nghiên cứu trên đây.
- (19) *Đại Nam thực lục* ghi chậm hơn một năm (1829).
- (20) Theo câu này, thì cơ ngơi ở Dương Xuân, nơi tọa lạc ngôi từ đường, là do công chúa mua sắm từ trước và tạo dựng phủ đệ, đó chính là chùa Đông Thuyền trong tình trạng bỏ hoang (không có sư trú trì, hay người quản lý bán để đi nơi khác). Đến lúc này, bà chỉ dựng thêm ngôi từ đường và bỏ tiền ra mua ruộng đất làm hương hỏa.
- (21) Bách chu: một thiên trong *Kinh Thi*, thuộc Bội phong (phong dao nước Bội), phần Quốc phong. Chiếc thuyền bằng gỗ cây bách (bá), chỉ thân phận người phụ nữ ngày xưa, không chồng hay chồng chết, chồng bỏ, trôi dạt không nơi nương tựa, như chiếc thuyền bằng gỗ cây bách, tuy chắc chắn nhưng không chuyên chở gì.
- (22) Dương lịch trong khoảng từ 21/7 đến 19/8 năm 1838.

PHỤ LỤC

Nguyên văn:

長公主第十三祠堂碑記

常聞之禮云有功德者祀之蓋施報當然天理人情之則也當朝長公主諱玉璣迺世祖高皇帝第十三女也生母阮廷氏諱永北寧省慈山府僊遊內裔社人嘉隆元年侍尋晉右宮嬪柒年戊辰秋柒月申時誕公主明命拾壹年公主下嫁于嘉定東山人掌前軍平西將軍贈太傅封建昌郡公阮黃德之子阮黃成生男二長阮黃武次阮黃儀未幾前駙馬卒二子相繼逝沒公主重儀特之思勵貞潔之操孀居守志以全節聞年前曾營構邸第於楊春上下二社多所施與二社民啣結有日矣今公主深惟身後至計將此園宅並捐出貲產併交二社買置田土留為將來奉祀去秋以事聞欽奉明旨長公主玉璣現在孀居無子預為善後事宜於理所是著承天府尹申飾該二社等嗣該長公主身後凡該長公主夫妻及其母一切歲時忌日由該二社備辦禮品祭享俾得永延世祀若日久怠生擅祀厥曠即由京尹懲治等因欽此欽遵今二社民節奉按款辦理各已就緒鄉紳職者因與相商曰貞節特行人所同尊國家崇植風化節婦烈女旌表遍乎鄉閭我二社生于聲名

文物之都禮義漸涵深且久矣廬于其邑者幸有此人此德於風化實有補焉惟公主以冰玉之姿配忠勤之胄行誼光于國史節操勵乎柏舟而其恩惠又之以及人尤懿美之不可掩者至如憂深慮遠為百年香火計又可見孝義一般是可書也而吾二社佩恩圖報之誠不約而合又以最其子孫俾之世守勿失是尤可書也於是勒之貞岷用誌其事於以壽其傳于將來億萬斯年之世直與天地山河相與今古矣至如原置祀田祀產及一切奉祀諸條款則另具于碑之後云

皇朝明命萬萬年之拾玖年陸月吉日刻

Phiên âm:

Trường công chúa đệ thập tam từ đường bi ký



Bia nhà thờ Trường công chúa Ngọc Cơ tại chùa Đông Thuyền.

Thường văn chi Lễ văn: “Hữu công đức giả tự chi”. Cái thi báo đương nhiên thiên lý nhân tình chi tắc dã. Đương triều Trường công chúa hựu Ngọc Cơ [Ky] nãi Thế Tổ Cao Hoàng Đế đệ thập tam nữ dã. Sinh mẫu Nguyễn Đình thị hựu Vĩnh, Bắc Ninh tỉnh, Từ Sơn phủ, Tiên Du Nội Duệ xã nhân, Gia Long nguyên niên thị, tầm tấn Hữu cung tần, thất niên Mậu Thìn thu thất nguyệt Thân thị đản công chúa. Minh Mạng thập nhất niên, công chúa hạ giá vu Gia Định Đông Sơn nhân chưởng Tiền quân Bình Tây tướng quân tằng Thái phó, phong Kiến Xương quận công Nguyễn Huỳnh Đức chi tử Nguyễn Huỳnh Thành, sinh nam nhị, trưởng Nguyễn Huỳnh Võ, thứ Nguyễn Huỳnh Nghi. Vị kỷ, tiền Phò mã tốt, nhị tử tương kế thế một. Công chúa trọng nghi đặc chi tư, lệ trình khiết chi tháo, sương cư thủ chí dĩ toàn tiết. Văn niên tiền tăng doanh cầu để đệ ư Dương Xuân Thượng Hạ nhị xã, đa sở thí dĩ nhị xã dân hàm kết hữu nhật hỷ. Kim công chúa thâm duy thân hậu chí kế, tương thử viên trạch tịnh quyền xuất tư sản tính giao nhị xã mãi trí điền thổ lưu vi tương lai phụng tự. Khứ thu dĩ sự văn, khâm phụng minh chỉ: “Trường công chúa Ngọc Cơ hiện tại sương cư vô tử, dự vi thiện hậu sự, nghi ư lý sở thị, trước Thừa Thiên Phủ đoãn thân sức cai nhị xã đẳng tự cai Trường công chúa thân hậu. Phàm cai Trường công chúa phu thê cập kỳ mẫu nhất thiết tuế thì kỷ nhật, do cai nhị xã bị biện lễ phẩm tế hưởng, tỷ đặc vĩnh diên thế tự. Nhược nhật cửu đãi sinh thiện tự quyết khoáng, tức do Kinh đoãn trừng trị đẳng nhân. Khâm thử”.

Khâm tuân, kim nhị xã dân tiết phụng án khoản biện lý, các dĩ tự tự. Hương thân thức giả nhân dĩ tương thương, viết: “Trình tiết đặc hạnh, nhân sở đồng tôn. Quốc gia sùng thực phong hóa, tiết phụ liệt nữ tinh biểu biến hồ hương lưu. Ngã nhị xã sinh vu thanh danh văn vật chi đồ, lễ nghĩa tiệm hàm thâm thả cửu hỷ. Lư vu kỳ áp giả hạnh hữu thử nhân thử đức, ư phong hóa thật hữu bổ yên. Duy công chúa dĩ băng ngọc chi tư phối trung cần chi trụ, hạnh huyền quang vu quốc sử, tiết tháo lệ hồ bách chu, nhi kỳ ân huệ hựu chi dĩ cập nhân, vu ý mỹ chi bất khả yếm giả; chí như ưu thâm tư viễn vi bách niên hương hỏa kế, hựu khả kiến hiếu nghĩa nhất ban, thị khả thư dã. Nhi ngô nhị xã bội ân đồ báo chi thành, bất ước nhi hợp, hựu dĩ tối kỳ tử tôn tỷ chi thế thủ vật thất, thị vu khả thư dã”.

Ư thị lạc chi trình môn dụng chí kỳ sự, ư dĩ thọ kỳ truyền vu tương lai ức vạn tư niên chi thế, trực dĩ thiên địa sơn hà tương vi kim cổ hỷ. Chí như nguyên trí tự điền tự sản cập nhất thiết phụng tự chư điều khoản tắc lánh cụ vu bi chi hậu văn.

Hoàng triều Minh Mạng vạn vạn niên chi thập cửu niên lục nguyệt cát nhật khắc.